

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN
Số: 54/2004/QĐ-BNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2004

**QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*Về việc Ban hành quy chế làm việc
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

*Căn cứ Nghị định số 86/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy chế làm việc của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng Công báo Chính phủ và thay thế Quyết định số 40/1998/QĐ-BNN ngày 2 tháng 3 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**
*(Ban hành theo Quyết định số 54 /2004/QĐ-BNN ngày 28 tháng 10 năm 2004
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, chế độ, trách nhiệm, lề lối làm việc và trình tự giải quyết công việc của lãnh đạo Bộ, Thủ trưởng, cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây gọi là Bộ).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Mọi cán bộ, công chức, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; các tổ chức, cá nhân trong nước; các tổ chức và cá nhân nước ngoài có quan hệ làm việc với Bộ có trách nhiệm chấp hành và thực hiện đầy đủ các quy định của Quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc làm việc

- Mọi hoạt động của Bộ phải tuân thủ các quy định của pháp luật và Quy chế làm việc của Bộ.
- Giải quyết công việc đúng phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền.
- Mỗi việc chỉ có một người phụ trách và chịu trách nhiệm chính. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được phân công công việc phải chịu trách nhiệm chính về công việc được phân công.
- Tuân thủ trình tự, thủ tục và thời hạn giải quyết công việc theo đúng các quy định của pháp luật, chương trình, kế hoạch, lịch làm việc và các Quy chế đã được ban hành, trừ trường hợp có yêu cầu đột xuất hoặc yêu cầu của cơ quan cấp trên; bảo đảm rõ ràng, minh bạch, kịp thời và hiệu quả.
- Bảo đảm sự phối hợp công tác, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc và trong mọi hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

CHƯƠNG II

THẨM QUYỀN, PHẠM VI GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC

Điều 4. Thẩm quyền, phạm vi giải quyết công việc của Bộ trưởng

- Thẩm quyền giải quyết công việc của Bộ trưởng:
 - Chỉ đạo, điều hành Bộ thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quản lý nhà nước ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định của Hiến pháp, Luật Tổ chức Chính phủ, Nghị định số 86/2002/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ, Nghị định số 86/2003/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các văn bản pháp luật có liên quan.
 - Phân công cho các Thứ trưởng; phân cấp cho Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giải quyết một số vấn đề thuộc thẩm quyền quản lý ngành,

lĩnh vực của Bộ.

c) Chỉ đạo việc hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra hoạt động của các bộ, ngành, uỷ ban nhân dân các cấp, các tổ chức khác, các cơ quan chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn ở địa phương, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ trong việc thực hiện pháp luật, nhiệm vụ đã phân công, phân cấp thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

2. Phạm vi giải quyết công việc của Bộ trưởng:

a) Những công việc thuộc thẩm quyền quy định trong Hiến pháp, Luật Tổ chức Chính phủ, Quy chế làm việc của Chính phủ, các văn bản pháp luật liên quan và những quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Những công việc được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, uỷ quyền; những công việc do Ban cán sự Đảng phân công.

c) Những việc liên quan đến từ hai Thứ trưởng trở lên nhưng các Thứ trưởng có ý kiến khác nhau; trực tiếp giải quyết một số việc đã giao cho Thứ trưởng, nhưng do thấy cần thiết hoặc do Thứ trưởng đi công tác vắng và Văn phòng Bộ có trách nhiệm báo cáo Thứ trưởng phụ trách về các việc Bộ trưởng đã giải quyết.

Khi Bộ trưởng đi công tác vắng sẽ uỷ quyền cho một Thứ trưởng thay mặt giải quyết công việc. Bộ trưởng có thể uỷ quyền cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp dưới ký văn bản giải quyết một số công việc thuộc thẩm quyền Bộ trưởng.

3. Những công việc Bộ trưởng tổ chức thảo luận tập thể Lãnh đạo Bộ trước khi quyết định:

a) Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành.

b) Kế hoạch của ngành triển khai các nghị quyết, chỉ thị, chủ trương, chính sách quan trọng của Đảng và Chính phủ.

c) Chương trình công tác, kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hàng năm và dài hạn của ngành; dự thảo nghị định, pháp lệnh, luật do Bộ chủ trì soạn thảo trước khi trình cấp có thẩm quyền.

d) Các chương trình, dự án trọng điểm của ngành.

đ) Phân bổ và điều chỉnh các nguồn vốn đầu tư hàng năm.

e) Công tác tổ chức bộ máy và nhân sự của Bộ theo quy định.

g) Báo cáo hàng năm về tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch nhà nước và kiểm điểm sự chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo Bộ.

h) Những vấn đề khác mà Bộ trưởng thấy cần thiết phải đưa ra thảo luận.

Trường hợp đặc biệt, không có điều kiện tổ chức thảo luận tập thể, theo chỉ đạo của Bộ trưởng, cơ quan chủ trì đề án phối hợp với Văn phòng Bộ lấy ý kiến các Thứ trưởng, trình Bộ trưởng quyết định.

Điều 5. Thẩm quyền, phạm vi giải quyết công việc của Thứ trưởng

1. Thẩm quyền giải quyết công việc của Thứ trưởng:

Các Thứ trưởng được Bộ trưởng phân công phụ trách một số lĩnh vực và địa bàn công tác, phụ trách một số cơ quan, đơn vị và được sử dụng quyền hạn của Bộ trưởng, nhân danh Bộ trưởng khi giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực được phân công và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về những quyết định của mình.

2. Phạm vi giải quyết công việc của Thứ trưởng:

a) Chỉ đạo việc thực hiện công tác quản lý nhà nước, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược phát triển, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án và các văn bản quản lý khác trong lĩnh vực được Bộ trưởng phân công.

b) Chỉ đạo kiểm tra việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quyết định của Bộ trưởng, phát hiện và đề xuất những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung.

c) Thứ trưởng chủ động giải quyết công việc được phân công; nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực của Thứ trưởng khác thì trực tiếp phối hợp với Thứ trưởng đó để giải quyết. Trường hợp cần có ý kiến của Bộ trưởng hoặc giữa các Thứ trưởng còn có các ý kiến khác nhau, phải báo cáo Bộ trưởng quyết định.

d) Đối với những vấn đề thuộc về chủ trương hoặc có tính nguyên tắc, chưa có văn bản quy định, vượt quá thẩm quyền, những vấn đề nhạy cảm dễ gây tác động đến tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, việc ký kết văn bản hợp tác với nước ngoài và những vấn đề quan trọng khác, Thứ trưởng phải xin ý kiến của Bộ trưởng trước khi quyết định.

đ) Khi Bộ trưởng điều chỉnh phân công giữa các Thứ trưởng thì các Thứ trưởng phải bàn giao nội dung công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan.

3. Thứ trưởng được uỷ quyền giải quyết công việc khi Bộ trưởng vắng mặt, ngoài việc thực hiện các quy định tại khoản 2 Điều này còn có quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a) Giải quyết các công việc chung của Bộ và ký văn bản theo uỷ quyền của Bộ trưởng.

b) Phối hợp hoạt động giữa các Thứ trưởng.

c) Giải quyết một số công việc cấp bách của Thứ trưởng khác khi Thứ trưởng đó vắng mặt theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ.

Điều 6. Thẩm quyền, phạm vi giải quyết công việc của Thủ trưởng các đơn vị

1. Chủ động tổ chức thực hiện công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị; chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về kết quả thực hiện công việc được giao; thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của pháp luật và của Bộ.

2. Những việc phát sinh vượt quá thẩm quyền phải kịp thời báo cáo Thứ trưởng phụ trách cho ý kiến chỉ đạo để giải quyết; không chuyển công việc thuộc thẩm quyền sang đơn vị khác hoặc lên Lãnh đạo Bộ, không giải quyết công việc không thuộc nhiệm vụ của đơn vị mình.

3. Chủ động phối hợp với Thủ trưởng các đơn vị, xử lý những vấn đề có liên quan đến những công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và thực hiện nhiệm vụ chung của Bộ.

4. Thực hiện những nhiệm vụ do Bộ trưởng hoặc Thứ trưởng giao; được Bộ trưởng uỷ quyền giải quyết hoặc ký một số văn bản thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng và phải chịu trách nhiệm cá nhân trước

pháp luật và trước Bộ trưởng về nội dung được uỷ quyền.

5. Xây dựng và quyết định quy chế làm việc trong cơ quan, đơn vị theo hướng dẫn của Bộ. Phân công công tác cho cấp phó và cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý.

6. Khi Thủ trưởng vắng mặt khỏi cơ quan từ ba ngày trở lên phải uỷ quyền người quản lý, điều hành đơn vị và báo cáo Bộ trưởng bằng văn bản qua Chánh Văn phòng Bộ. Người được uỷ quyền chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng đơn vị, Bộ trưởng và trước pháp luật về mọi hoạt động của đơn vị trong thời gian được uỷ quyền.

7. Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm thực hiện đúng yêu cầu của Lãnh đạo Bộ khi Lãnh đạo Bộ có chương trình làm việc với đơn vị.

8. Tổ chức đơn vị chấp hành các chủ trương, chính sách của chính quyền địa phương nơi đóng trụ sở.

Điều 7. Thẩm quyền, phạm vi giải quyết công việc của cán bộ, công chức

1. Chủ động nghiên cứu, tham mưu về lĩnh vực chuyên môn được đào tạo hoặc phân công theo dõi, các công việc được Thủ trưởng đơn vị hoặc Lãnh đạo Bộ giao theo chức năng, nhiệm vụ chuyên môn của đơn vị.

2. Chịu trách nhiệm cá nhân trước Thủ trưởng đơn vị, trước Lãnh đạo Bộ và trước pháp luật về ý kiến đề xuất, tiến độ, chất lượng, hiệu quả của từng công việc được giao; về hình thức, thể thức, trình tự và thủ tục ban hành văn bản và quy trình giải quyết công việc thuộc chuyên môn được đào tạo hoặc lĩnh vực công việc được phân công theo dõi.

3. Thực hiện các quy định của pháp luật về cán bộ, công chức; các quy định và các quy chế công vụ do Lãnh đạo Bộ ban hành.

CHƯƠNG III

QUAN HỆ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC

Điều 8. Quan hệ với các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các địa phương, cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội-ngành nghề nghiệp thuộc ngành, lĩnh vực

Quan hệ làm việc giữa Bộ trưởng với Ban chấp hành Trung ương và các Ban của Đảng, các cơ quan của Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành khác, các địa phương, cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội- ngành nghề nghiệp thuộc ngành, lĩnh vực được thực hiện theo quy định của Hiến pháp, Luật Tổ chức Chính phủ, các văn bản pháp luật liên quan và Quy chế phối hợp giữa Bộ với các tổ chức đã được thỏa thuận.

Điều 9. Quan hệ với tổ chức Đảng trong Bộ